

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo quyết định số: 1621/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 19 tháng 7 năm 2013  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông**  
**(Telecommunication - Electronics Engineering Technology)**  
Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**  
Ngành đào tạo: **Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông**  
Mã ngành: **51510302**  
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Cao đẳng Chính quy Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, chuyên môn cơ bản; năng lực thực hành nghề nghiệp thành thạo; khả năng thích ứng nhanh với những tiến bộ của khoa học công nghệ trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông; có đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức**

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Có kiến thức chuyên môn cơ bản để thiết kế, khai thác, sử dụng các hệ thống điện tử viễn thông trong lĩnh vực giao thông vận tải và các ngành kinh tế quốc dân;

- Có trình độ tin học, ngoại ngữ để khai thác, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông.

##### **1.2.2. Kỹ năng**

- Thiết kế, vận hành, bảo trì, sửa chữa các hệ thống, thiết bị điện tử viễn thông trong lĩnh vực giao thông vận tải và các ngành kinh tế quốc dân khác;

- Kiểm tra, phân tích, lựa chọn được hệ thống thiết bị điện tử viễn thông;

- Sử dụng thiết bị để kiểm tra, phân tích kết quả, xác định được hiệu suất và sự cần thiết điều chỉnh quá trình làm việc của thiết bị điện tử, viễn thông;

- Lập quy trình công nghệ sản xuất, sửa chữa, thay thế hệ thống điện tử viễn thông phù hợp với yêu cầu thực tiễn;

- Có phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp, có khả năng thuyết trình, giao tiếp và làm việc hiệu quả theo nhóm, tiếp cận được với môi trường quốc tế trong lĩnh vực điện tử viễn thông.

### 1.2.3. Thái độ

- Ý thức được tầm quan trọng của lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông trong phát triển kinh tế xã hội, từ đó hình thành các giá trị đạo đức nghề nghiệp; ý thức tôn trọng và làm việc theo pháp luật;

- Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với phát triển kinh tế- xã hội; xây dựng nền Quốc phòng toàn dân; rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ tổ quốc;

- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức, khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để tự học suốt đời.

### 1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại: các trung tâm quản lý - điều hành giao thông, trung tâm thông tin tín hiệu đường sắt, trung tâm kỹ thuật dẫn đường hàng không, các công ty, xí nghiệp về điện tử, viễn thông, bưu điện; giảng dạy trong các trường Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề...

### 1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 350 điểm TOEIC

**2. Thời gian đào tạo:** 3 năm

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 102 tín chỉ, hai học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (3 đvht) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
1	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>31</b>	<b>2</b>	<b>33</b>
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>65</b>	<b>4</b>	<b>69</b>
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	30	2	32
2.2	Kiến thức ngành	18	2	20
2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	9		9
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2.5	Đồ án tốt nghiệp	4		4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>96</b>	<b>6</b>	<b>102</b>

### 4. Đối tượng đào tạo

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

### 5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp

\* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

\* Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục - Đào tạo).

## 6. Thang điểm

\* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

\* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh cấp chứng chỉ).

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1. Tên và khối lượng các học phần

#### 7.1.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 33 TC

Bao gồm 31 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 3 đvht, Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8 TC) và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>31 TC</b>
<b>7.1.1.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>12 TC</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	CC1LL01	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	CC1LL02	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CC1LL03	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	CC1LL04	3
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	CC1LL05	2
<b>7.1.1.2</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>4 TC</b>
6	Tiếng Anh 1	CC1CB31	4
<b>7.1.1.3</b>	<b>Toán, khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ, môi trường</b>		<b>15 TC</b>
7	Toán 1	CC1CB11	4
8	Toán 2	CC1CB12	3
9	Lý thuyết xác suất - thống kê	CC1CB20	2
10	Vật lý đại cương 1	CC1CB21	3
11	Tin học đại cương	CC1TT42	3
<b>7.1.1.4</b>	<b>Giáo dục thể chất (cấp chứng chỉ riêng)</b>		<b>3 đvht</b>
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	CC1TD01	1 đvht
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	CC1TD02	1 đvht
14	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	CC1TD04	1 đvht
<b>7.1.1.5</b>	<b>Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cấp chứng chỉ riêng)</b>		<b>8 TC</b>
15	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	CC1QP01	3 TC
16	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	CC1QP02	2 TC
17	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	CC1QP03	3 TC
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 6 TC</b>
1	Kỹ thuật điện	CC1TH47	2

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
2	Matlab và ứng dụng	CC1TH48	2
3	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	CC1CB91	2

**7.1.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 69 TC**

**7.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 32 TC**

Bao gồm 30 TC các học phần bắt buộc và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>30 TC</b>
1	Ngôn ngữ lập trình C	CC2TT23	3
2	Linh kiện điện tử	CC2DT41	3
3	Lý thuyết mạch	CC2DT42	3
4	Lý thuyết truyền tin	CC2DT43	3
5	Cơ sở kỹ thuật đo lường	CC2DT44	2
6	Điện tử số	CC2DT51	2
7	Điện tử tương tự	CC2DT53	3
8	Cơ sở điều khiển tự động	CC2DT45	3
9	Tín hiệu và hệ thống	CC2DT56	2
10	Kỹ thuật vi xử lý và ứng dụng	CC2DT62	3
11	Xử lý tín hiệu số	CC2DT64	3
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 4 TC</b>
1	Kiến trúc máy tính	CC2DT57	2
2	Kỹ thuật phần mềm ứng dụng	CC2TH38	2

**7.1.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 20 TC**

Bao gồm 18 TC các học phần bắt buộc và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>18 TC</b>
1	Tiếng Anh 3	CC3DT33	3
2	Thông tin số	CC3DT71	3
3	Thông tin vô tuyến	CC3DT72	3
4	Cơ sở truyền số liệu	CC3DT60	3
5	Mạng viễn thông	CC3DT61	3
6	Thông tin quang	CC3DT74	3
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2 / 8 TC</b>
1	Công nghệ Multimedia	CC3DT81	2
2	Công nghệ vi điện tử	CC3DT82	2
STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
3	Hệ thống nhúng	CC3DT83	2
4	Giao tiếp máy tính và thu nhận dữ liệu	CC3DT84	2

**7.1.2.3. Thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp (17 TC bắt buộc):**

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
<b>7.1.2.3.1</b>	<b>Thực hành, thực tập nghề nghiệp</b>		<b>9 TC</b>
1	Thực tập Điện tử cơ bản	CC4DT21	3
2	Thực tập Lắp ráp điện tử	CC4DT22	3
3	Thực tập Điện tử viễn thông	CC4DT23	3
<b>7.1.2.3.2</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp</b>		<b>4 TC</b>
4	Thực tập tốt nghiệp	CC4DT70	4
<b>7.1.2.3.3</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>		<b>4 TC</b>
5	Đồ án tốt nghiệp	CC4DT80	4

## 7.2. Khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>33</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>31</b>				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	CC1LL01	2	21	18		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	CC1LL02	3	30	30		CC1LL01
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CC1LL03	2	21	18		CC1LL02
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	CC1LL04	3	30	30		CC1LL03
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	CC1LL05	2	30			
6	Tiếng Anh 1	CC1CB31	4	45	30		
7	Toán 1	CC1CB11	4	60			
8	Toán 2	CC1CB12	3	45			
9	Lý thuyết xác suất - thống kê	CC1CB20	2	30			
10	Vật lý đại cương 1	CC1CB21	3	45			
11	Tin học đại cương	CC1TT42	3	30	30		
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	CC1TD01	1 đvht	8	22		
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	CC1TD02	1 đvht	8	22		
14	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	CC1TD04	1 đvht	3	27		
15	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	CC1QP01	3	45			CC1LL04

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
16	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	CC1QP02	2	30			
17	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	CC1QP03	3	15	60		
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/6</b>				
1	Kỹ thuật điện	CC1TH47	2	30			
2	Matlab và ứng dụng	CC1TH48	2	30			
3	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	CC1CB91	2	30			
<b>II</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>69</b>				
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>32</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>30</b>				
1	Ngôn ngữ lập trình C	CC2TT23	3	30	30		
2	Linh kiện điện tử	CC2DT41	3	30	30		
3	Lý thuyết mạch	CC2DT42	3	30	30		
4	Lý thuyết truyền tin	CC2DT43	3	45			
5	Cơ sở kỹ thuật đo lường	CC2DT44	2	15	30		
6	Điện tử số	CC2DT51	2	30			
7	Điện tử tương tự	CC2DT53	3	30	30		
8	Cơ sở điều khiển tự động	CC2DT45	3	45			CC1CB12
9	Tín hiệu và hệ thống	CC2DT56	2	30			CC1CB12
10	Kỹ thuật vi xử lý và ứng dụng	CC2DT62	3	30	30		
11	Xử lý tín hiệu số	CC2DT64	3	45			
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/4</b>				
1	Kiến trúc máy tính	CC2DT57	2	30			
2	Kỹ thuật phần mềm ứng dụng	CC2TH38	2	30			
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>20</b>				
	<b>* Học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>				
1	Tiếng Anh 3	CC3DT33	3	30	30		CC1CB31
2	Thông tin số	CC3DT71	3	45			CC2DT43
3	Thông tin vô tuyến	CC3DT72	3	45			
4	Cơ sở truyền số liệu	CC3DT60	3	45			CC3DT71
5	Mạng viễn thông	CC3DT61	3	45			

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
6	Thông tin quang	CC3DT74	3	45			CC2DT41
	<b>* Học phần tự chọn</b>		<b>2/8</b>				
1	Công nghệ Multimedia	CC3DT81	2	30			
2	Công nghệ vi điện tử	CC3DT82	2	30			CC2DT41
3	Hệ thống nhúng	CC3DT83	2	30			
4	Giao tiếp máy tính và thu nhận dữ liệu	CC3DT84	2	30			
<b>II.3</b>	<b>Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp</b>		<b>17</b>				
1	Thực tập Điện tử cơ bản	CC4DT21	3			135	CC2DT44
2	Thực tập Lắp ráp điện tử	CC4DT22	3			90	CC2DT44
3	Thực tập Điện tử viễn thông	CC4DT23	3			135	CC3DT61
4	Thực tập tốt nghiệp	CC4DT70	4			180	
5	Đồ án tốt nghiệp	CC4DT80	4			240	CC4DT70
	<b>Tổng cộng</b>		<b>102</b>				

### 8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ					
			I	II	III	IV	V	VI
<b>8.1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>33</b>						
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3				
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2			
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3				3		
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2		2				
6	Tiếng Anh 1	4	4					
7	Toán 1	4	4					
8	Toán 2	3		3				
9	Lý thuyết xác suất - thống kê	2		2				
10	Vật lý đại cương 1	3	3					
11	Tin học đại cương	3	3					

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ					
			I	II	III	IV	V	VI
12	GDTC 1: Thẻ đục tay không, thẻ đục dụng cụ	1 đvht	1					
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht		1				
14	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht			1			
15	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3			3			
16	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2			2			
17	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3				3		
18	Tự chọn 1	2	2					
<b>8.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>69</b>						
<b>8.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>32</b>						
19	Ngôn ngữ lập trình C	3		3				
20	Linh kiện điện tử	3		3				
21	Lý thuyết mạch	3		3				
22	Lý thuyết truyền tin	3			3			
23	Cơ sở kỹ thuật đo lường	2			2			
24	Điện tử số	2			2			
25	Điện tử tương tự	3			3			
26	Cơ sở điều khiển tự động	3			3			
27	Tín hiệu và hệ thống	2			2			
28	Kỹ thuật vi xử lý và ứng dụng	3				3		
29	Xử lý tín hiệu số	3				3		
30	Tự chọn 2	2				2		
<b>8.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>20</b>						
31	Tiếng Anh 3	3					3	
32	Thông tin số	3				3		
33	Thông tin vô tuyến	3					3	
34	Cơ sở truyền số liệu	3				3		
35	Mạng viễn thông	3					3	
36	Thông tin quang	3					3	
37	Tự chọn 3	2					2	
<b>8.2.3</b>	<b>Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp</b>	<b>17</b>						
38	Thực tập Điện tử cơ bản	3			3			
39	Thực tập Lắp ráp điện tử	3				3		
40	Thực tập Điện tử viễn thông	3					3	
41	Thực tập tốt nghiệp	4						4



STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ					
			I	II	III	IV	V	VI
42	Đồ án tốt nghiệp	4						4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>102</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>17</b>	<b>8</b>

### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông thuộc ngành đào tạo Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

+ Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.

- Trong đề cương chi tiết học phần cần nêu rõ những nội dung trọng tâm phải kiểm tra và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu, tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những sách, tài liệu nào, ở đâu.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 6 học kỳ chính. Ngoài 6 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học tập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hàng kỳ, căn cứ tình hình thực tế và khối lượng của các học phần, phòng Đào tạo và các khoa cần điều chỉnh cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện chương trình, Khoa/Bộ môn thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, báo cáo lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường trình Hiệu trưởng quyết định.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. ĐỖ NGỌC VIỆN**